

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH K H**

Bản án số: 41/2020/DS-PT

Ngày: 06/8/2020

Về “Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tranh chấp di sản thừa kế và tranh
chấp yêu cầu tuyên văn bản giao dịch
dân sự vô hiệu”.

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đình Phương

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Phạm Đình Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân
TỈNH K H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TỈNH K H tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị
Kim Liên** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TỈNH K H, xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLPT-DS ngày 24 tháng 3 năm 2020 về
việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp di sản thừa kế và tranh chấp yêu
cầu tuyên văn bản giao dịch dân sự vô hiệu*”.

Do Bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án
nhân dân huyện Diên K, TỈNH K H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXX-PT ngày 20 tháng 5
năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 663/TB-DS ngày 14/7/2020 giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hàng Thị H, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Đội 3, thôn Quang TH, xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H.
Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hàng Thị T, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Đội 5, thôn Bình K, xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Văn L, sinh năm 1958;
nơi cư trú: Đội 5, thôn Bình K, xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H (văn bản ủy
quyền lập ngày 24/01/2018). Có mặt.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Văn Sơn -
Văn phòng luật sư Văn Sơn, Tộc đoàn luật sư TỈNH K H. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phan Văn L, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Đội 5, thôn Bình K, xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo yêu cầu khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hàng Thị H trình bày:*

Cha mẹ bà là ông Hùng Văn B và bà Nguyễn Thị N có 02 người con, gồm: Hàng Thị T và Hàng Thị H. Cha mẹ bà có tạo dựng được khối tài sản chung là nhà và đất có diện tích 3.975m² Tộc thừa số 128, tờ bản đồ 07 tại xã Diên H. Năm 1990, mẹ bà chết không để lại di chúc.

Ngày 20/8/1995, cha bà lập “Giấy tương phân” có chứng thực của UBND xã Diên H ngày 31/8/1995 để chia cho bà và bà T phần đất hương hỏa có tổng diện tích là 1.250m², trong đó phần diện tích đất của bà là 01 sào tương đương 500m² (Trong đó có 100m² đất thổ cư, còn lại là đất quả) và thực tế đo vẽ là 387,9m². Phần đất của bà T là 1,5 sào, tương đương 750m² (trong đó có 100m² đất thổ cư, còn lại là đất quả, trên đất có 01 căn nhà cấp 4), thực tế đo vẽ là 874,7m². Đối với phần đất này bà và bà T thống nhất, không có tranh chấp gì.

Ngày 30/8/1995, cha bà có lập “Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn” cho bà phần diện tích đất còn lại là 2.725m². Đến năm 2009 cha bà chết. Sau đó, bà T không đồng ý với việc cha bà cho bà phần đất này nên đã tháo hàng rào lấn chiếm đất sản xuất, trồng cây lập vườn. Năm 2011, Ủy ban nhân dân xã Diên H tiến hành H giải giữa các bên nhưng không thành. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hàng Thị T phải trả lại cho bà phần diện tích đất 2.725m² (theo đo vẽ thực tế là 2.723,3m²) Tộc thừa số 128, tờ bản đồ số 07 xã Diên H, Diên K theo “Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn” lập ngày 30/8/1995 của ông Hùng Văn B. Trên đất có một số ngôi mộ vô chủ nằm gần phần đất mà bà T được chia tại “Giấy tương phân ngày 20/8/1995. Đồng thời, đối với một số cây ăn trái như quýt, bưởi, măng cụt, dừa, mít và tre trồng trên phần diện tích đất tranh chấp, nếu Tòa án chia Tộc phần đất của người nào thì người đó nhận, bà không có ý kiến và tranh chấp gì, cũng không yêu cầu xem xét, thẩm định chia các loại cây này.

** Tại đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hàng Thị T và người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Văn L trình bày:*

Bà T thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về khối tài sản chung của cha mẹ để lại, tên các đồng thừa kế và phần diện tích đất hương hỏa đã được phân chia theo Giấy tương phân ngày 20/8/1995 của ông Hùng Văn B. Theo đó phần diện tích đất của bà H được hưởng là 01 sào tương đương 500m² (có 100m² đất thổ cư, còn lại là đất quả) và diện tích đo vẽ thực tế là 387,9m²; phần đất của bà T là 1,5 sào, tương đương 750m² (trong đó có 100m² đất thổ cư, còn lại là đất quả, trên đất có 01 căn nhà cấp 4), thực tế đo vẽ là 874,7m². Bà T và bà H không tranh chấp.

Đối với phần diện tích đất vườn còn lại là 2.725m² thì khi cha bà T - ông Hàng Văn B còn sống không phân chia và cũng không ai có ý kiến gì.

Năm 2009, ông B chết không để lại di chúc. Bà T không biết việc ông B lập “Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn” cho bà H vào ngày 30/8/1995. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hàng Thị T phải trả lại cho bà phần diện tích đất 2.725m² Tộc thửa số 128, tờ bản đồ số 07 xã Diên H, Diên K theo “Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn” trên thì bà T không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất này là tài sản chung của ông B và bà N, việc lập “Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn” ngày 30/8/1995 của ông Hàng Văn B là không đúng theo quy định của pháp luật, không có sự đồng ý của bà T. Đồng thời, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố “Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn” lập ngày 30/8/1995 của ông B là vô hiệu và yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất 2.725m² Tộc thửa số 128, tờ bản đồ số 7 xã Diên H, Diên K theo quy định của pháp luật. Trên đất có một số ngôi mộ, nếu ai được hưởng phần đất có các ngôi mộ thì cứ để yên vị và không có yêu cầu gì vì không xác định được nhân thân. Đối với một số cây ăn trái như quýt, bưởi, măng cụt, dừa, mít và tre trồng trên phần diện tích đất tranh chấp, nếu Tòa án chia Tộc phần đất của người nào thì người đó nhận, không ai có ý kiến, không yêu cầu định vị, định giá và không tranh chấp gì.

** Bà Hàng Thị H trình bày đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:* Bà không đồng ý với yêu cầu của bà T vì phần diện tích đất 2.725m² Tộc thửa số 128, tờ bản đồ số 07 xã Diên H, Diên K ông B cho bà là hợp pháp, ông B đã được UBND xã Diên H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L trình bày:* Các cây trồng trên đất do ông và vợ là bà Hàng Thị T trồng. Nếu giao cho bà H phần đất có cây của vợ chồng ông trồng thì hoàn giá trị cho vợ chồng ông.

** Bà Hàng Thị H trình bày:* Do cây của vợ chồng ông Phan Văn L và bà Hàng Thị T tự trồng, bà đề nghị không nhận cây, đề nghị ông L và bà T chặt bỏ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Diên K, TỈNH K H đã tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hàng Thị H về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hàng Thị T về yêu cầu tuyên bố “Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn” lập ngày 30/8/1995 của ông Hàng Văn B là vô hiệu một phần; chấp nhận một phần yêu cầu của bà Hàng Thị T về “Chia di sản thừa kế”.

- Giao cho bà Hàng Thị H được quyền sử dụng phần diện tích 2.248,92m² được đánh ký hiệu phần IV, Tộc một phần thửa đất số 128, tờ bản đồ 07 tại xã Diên H, loại đất quả (Có bản vẽ kèm theo). Giao cho bà Hàng Thị H quản lý các ngôi mộ không xác định được danh tính (được định vị trên bản vẽ có diện tích 20,5m², nằm trên phần có ký hiệu IV). Cây trên đất gồm có: 03 cây quýt đường,

10 cây bưởi đã cho trái, 04 cây bưởi chưa có trái, 02 bụi tre, 01 cây măng cụt, 04 cây mít chưa trái.

- Giao cho bà Hàng Thị T được quyền sử dụng phần diện tích 453,88 m² được đánh ký hiệu phần III, Tộc một phần thửa đất số 128, tờ bản đồ 07 tại xã Diên H, loại đất quả (Có bản vẽ kèm theo). Trên đất có: 03 cây mít chưa trái, 02 cây mít loại B, 03 cây dừa, 01 bụi tre.

- Bà Hàng Thị H phải thanh toán giá trị cây cho bà Hàng Thị T là 9.440.000 đồng (*chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/12/2019, bị đơn bà Hàng Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phân chia lại diện tích đất liên canh phù hợp với thực tế sử dụng, không yêu cầu thanh toán lại giá trị cây trồng trên đất, nếu phân chia rơi vào phần đất người nào thì người đó được hưởng. Bị đơn cho rằng án phí bản án sơ thẩm tuyên chưa phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại.

+ Đại diện viện kiểm sát nhân dân TỈNH K H phát biểu:

Về thủ tục: Những người tiến hành tố tụng và đương sự thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm phân chia thừa kế giao phần đất cho bà T được hưởng nhưng chưa xem xét thực tế sử dụng nên vị trí phân chia chưa phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử phân chia lại cho phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện. Đối với phần đất mộ 20,5m² đề nghị giao cho bà T tiếp tục quản lý là phù hợp. Về phần cây trồng trên đất, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T và ông L không yêu cầu thanh toán lại giá trị. Về án phí cấp sơ thẩm quyết định chưa phù hợp nên đề nghị xác định lại cho phù hợp pháp luật. Trên cơ sở đó, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư và đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 21/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Diên K xét xử vụ án. Ngày 04/12/2019, bị đơn bà Hàng Thị T kháng cáo. Xét kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ nội dung vụ án, yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hàng Thị T và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy:

[2.1] Xác định phần tài sản tranh chấp: Theo nội dung vụ án cho thấy ông Hàng Văn B (chết năm 2009) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 1990) đã tạo dựng được khối tài sản chung là nhà và đất có diện tích 3.975m^2 Tộc thửa số 128, tờ bản đồ 07 tại xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H. Năm 1990, bà N chết không để lại di chúc. Ngày 20/8/1995, ông B, bà T và bà H tương phân một phần diện tích đất giao cho bà H $387,9\text{m}^2$ và giao cho bà T $874,7\text{m}^2$ (theo diện tích đất thực tế). Phần đất đã giao cho bà T và bà H các đương sự không tranh chấp. Ngày 30/8/1995, ông Hàng Văn B đã lập “*Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn*” diện tích đất còn lại là 2.500m^2 (thực tế là $2.723,3\text{m}^2$) cho Hàng Thị H và đã được Ủy ban nhân dân xã Diên H xác nhận. Phần diện tích này bà T và bà H tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu tuyên bố Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn ngày 30/8/1995 vô hiệu. Bản án sơ thẩm xác định nguồn gốc đất tranh chấp nêu trên do ông B và bà N tạo lập và đã được Ủy ban nhân dân huyện Diên K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/DK-KH ngày 20/6/1995 cho hộ ông Hàng Văn B và vợ (chết). Do đó, Bản án sơ thẩm giải quyết tài sản tranh chấp là diện tích đất $2.723,3\text{m}^2$ là có cơ sở.

[2.3] Đối với hàng thừa kế được hưởng tài sản của bà N: Bản án sơ thẩm xác định gồm ông Hàng Văn B, bà Hàng Thị T và bà Hàng Thị H là phù hợp quy định pháp luật.

[2.4] Đối với phần tài sản chung của vợ chồng được chia thì ông B và bà N mỗi người được hưởng: Diện tích đất thực tế $2.723,3\text{m}^2 : 2 = 1.361,65\text{m}^2$. Bản án sơ thẩm đã xác định phần tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng là phù hợp.

[2.5] Nhận định yêu cầu phản tố về chia di sản thừa kế của bà Hàng Thị T: Theo mục 2.4 thì di sản của bà N để lại được chia theo kỹ phần thừa kế cho ông B, bà T và bà H mỗi người được hưởng: $1.361,65\text{m}^2 : 3 = 453,88\text{m}^2$. Như vậy, Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hàng Thị T về chia di sản thừa kế là có cơ sở.

[2.6] Xác định phần diện tích tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Hàng Thị H: Theo “*Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn*” ngày 30/8/1995, ông Hàng Văn B đã cho bà Hàng Thị H toàn bộ diện tích đất 2.500m^2 (thực tế là $2.723,3\text{m}^2$). Từ phân tích mục 2.4 và 2.5 thì phần diện tích đất ông B có quyền định đoạt cho bà H gồm phần ông B được chia từ tài sản chung của vợ chồng và phần ông B được chia thừa kế của bà N là $(1.361,65\text{m}^2 + 453,88\text{m}^2) = 1.815,5\text{m}^2$. Như vậy, phần diện tích được xác định bà H tranh chấp quyền sử dụng đất là $1.815,5\text{m}^2$. Do đó, ông B đã định đoạt toàn bộ diện tích đất theo giấy chuyển quyền sở hữu nêu trên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp theo kỹ phần thừa kế của bà H và bà T được hưởng. Vì vậy, Bản án sơ thẩm tuyên chấp

nhận một phần yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Hàng Thị H và tuyên giấy chuyển quyền sở hữu nêu trên vô hiệu một phần là có cơ sở.

[2.7] Bà Hàng Thị T cho rằng vị trí đất được chia cho bà theo sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm là chưa phù hợp gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà trong quá trình sử dụng. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân TỈNH K H cho thấy trên phần đất tranh chấp hiện bà T và ông L đang canh tác và trồng cây liên canh với phần diện tích bà T đang quản lý sử dụng nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét giao liên canh cho phù hợp với thực tế sử dụng, làm ảnh hưởng trong quá trình sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm phân chia lại vị trí đất cho phù hợp. Đồng thời phần diện tích 20,5m² đất mộ nằm trong phần đất được bà T, ông L canh tác nên tạm giao cho ông L, bà T tiếp tục quản lý.

Bà T và ông L xác định các cây trồng trên đất nếu chia ở trên đất của phần người nào thì người đó được hưởng, không yêu cầu thanh toán lại giá trị. Xét đây là cây trồng của bà T và ông L nên ghi nhận sự tự nguyện.

[2.8] Về án phí: Bản án sơ thẩm tính án phí đối với các yêu cầu chia di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp yêu cầu tuyên văn bản giao dịch dân sự vô hiệu là chưa phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm và xác định lại án phí dân sự sơ thẩm như sau:

- Bà Hàng Thị T, bà Hàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thừa kế mỗi người được nhận. Cụ thể: 453,88m² x 300.000đồng = (136.164.000 đồng x 5%) = 6.808.200 đồng.

- Bà T phải chịu án phí đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất của bà H được chấp nhận một phần. Đối với phần diện tích 1.815,5m², xác định ông B để lại, đây là phần diện tích tranh chấp quyền sử dụng đất Tộc về bà T hoặc bà H. Căn cứ điểm a khoản 2 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xác định án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng.

- Bà Hàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp yêu cầu tuyên “*Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn*” ngày 30/8/1995 vô hiệu được chấp nhận một phần số tiền là 300.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Hàng Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Sửa bản án sơ thẩm; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bà Hàng Thị T.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Hàng Thị H về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với bị đơn bà Hàng Thị T.

Giao cho bà Hàng Thị H diện tích đất 2.249m² (loại đất cây lâu năm) Tộc một phần thửa đất số 128, tờ bản đồ số 07 tại xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H (ký hiệu phần IV theo sơ đồ bản vẽ).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hàng Thị T đối với nguyên đơn bà Hàng Thị H về “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế*” và “*Tranh chấp yêu cầu tuyên: Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn*” lập ngày 30/8/1995 của ông Hàng Văn B vô hiệu một phần.

Giao cho bà Hàng Thị T diện tích đất 453,8m² Tộc một phần thửa đất số 128, tờ bản đồ số 07 tại xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H (ký hiệu phần III theo sơ đồ bản vẽ).

Tạm giao cho bà Hàng Thị T quản lý diện tích 20,5m² đất mộ (trong phần ký hiệu III) Tộc một phần thửa đất số 128, tờ bản đồ số 07 tại xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hàng Thị T và ông Phan Văn L không yêu cầu bà Hàng Thị H thanh toán lại giá trị cây trồng trên đất (ký hiệu phần IV theo sơ đồ bản vẽ).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

*** Về án phí:**

- Bà Hàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.108.000 đồng (*Bảy triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng*) nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai T tạm số: AA/2016/0018479 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên K. Bà H còn phải nộp 5.108.000 đồng.

- Bà Hàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.108.000 đồng (*Bảy triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0018583 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên K. Bà T còn phải nộp 5.108.000 đồng (*Năm triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng*).

*** Về chi phí tố tụng:** Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hàng Thị T và ông Nguyễn Văn L chịu chi phí xem xét thẩm định và đo vẽ tại giai đoạn phúc thẩm. Bà T, ông L đã nộp đủ.

*** Quy định:** Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TỈNH K H;
- TAND H. Diên K;
- Chi cục THADS H. Diên K;
- Lưu: Tòa DS, VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Đình Phương

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 06 tháng 08 năm 2020

Tại trụ sở Tòa án nhân dân TỈNH K H

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Đình Phương**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Trung Thành**

Ông Phạm Đình Thanh

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 46/2020/TLPT-DS ngày 24/3/2020 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Hàng Thị H - sinh năm 1961

Địa chỉ: Đội 3, thôn Quang TH, xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H.

- *Bị đơn*: Bà Hàng Thị T - sinh năm 1959

Địa chỉ: Đội 5, thôn Bình K, xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Văn L; địa chỉ: Đội 5, thôn Bình K, xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H (văn bản ủy quyền lập ngày 24/01/2018).

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Văn Sơn - Văn phòng luật sư Văn Sơn, Tộc đoàn luật sư TỈNH K H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Phan Văn L – sinh năm 1958,

Địa chỉ: Đội 5, thôn Bình K, xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Các ý kiến thảo luận:

- Thẩm phán Thành:

Bà Hàng Thị T cho rằng vị trí đất được chia cho bà theo sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm là chưa phù hợp gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà trong quá trình sử dụng. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của cấp sơ thẩm và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân TỈNH K H cho thấy trên phần đất tranh chấp hiện bà T và ông L đang canh tác và trồng cây liên canh với phần diện tích bà T đang quản lý sử dụng nhưng không được cấp sơ thẩm xem xét giao liên canh cho phù hợp với thực tế sử dụng, làm ảnh hưởng trong quá trình sử dụng. Do đó, sửa bản án sơ thẩm phân chia lại vị trí đất cho phù hợp.

Bà T và ông L xác định các cây trồng trên đất nếu chia Tộc vào phần người nào thì người đó được hưởng, không yêu cầu thối lại giá trị. Xét đây là cây trồng của bà T và ông L nên ghi nhận sự tự nguyện.

Về án phí: Bản án sơ thẩm tính án phí đối với các yêu cầu chia di sản thừa kế, tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp yêu cầu tuyên văn bản giao dịch dân sự vô hiệu là chưa phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, sửa bản án sơ thẩm và xác định lại án phí dân sự sơ thẩm.

- Thẩm phán Thanh: Sửa bản án sơ thẩm.

- Thẩm phán Phương: Thống nhất với các ý kiến trên

2. Về điều luật áp dụng: Biểu quyết 3/3 thống nhất áp dụng các điều luật sau:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức T, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về các vấn đề giải quyết vụ án: Biểu quyết 3/3 thống nhất:

- Sửa bản án sơ thẩm; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bà Hàng Thị T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Hàng Thị H về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” với bị đơn bà Hàng Thị T.

Giao cho bà Hàng Thị H diện tích đất 2.249m² (loại đất cây lâu năm) Tộc một phần thửa đất số 128, tờ bản đồ số 07 tại xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H (ký hiệu phần IV theo sơ đồ bản vẽ).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hàng Thị T đối với nguyên đơn bà Hàng Thị H về “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế*” và “*Tranh chấp yêu cầu tuyên: Giấy chuyển quyền sở hữu chủ đất vườn*” lập ngày 30/8/1995 của ông Hàng Văn B vô hiệu một phần.

Giao cho bà Hàng Thị T diện tích đất 453,8m² Tộc một phần thửa đất số 128, tờ bản đồ số 07 tại xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H (ký hiệu phần III theo sơ đồ bản vẽ).

Tạm giao cho bà Hàng Thị T quản lý diện tích 20,5m² đất mộ (trong phần ký hiệu III) Tộc một phần thửa đất số 128, tờ bản đồ số 07 tại xã Diên H, huyện Diên K, TỈNH K H.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hàng Thị T và ông Phan Văn L không yêu cầu bà Hàng Thị H thanh toán lại giá trị cây trồng trên đất (ký hiệu phần IV theo sơ đồ bản vẽ).

4. Các vấn đề khác: Biểu quyết 3/3 thống nhất những vấn đề sau:

*** Về án phí:**

- Bà Hàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.108.000 đồng (*Bảy triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng*) nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai T tiền số: AA/2016/0018479 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên K. Bà H còn phải nộp 5.108.000 đồng.

- Bà Hàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.108.000 đồng (*Bảy triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0018583 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên K. Bà T còn phải nộp 5.108.000 đồng (*Năm triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng*).

*** Về chi phí tố tụng:** Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hàng Thị T và ông Nguyễn Văn L chịu chi phí xem xét thẩm định và đo vẽ tại giai đoạn phúc thẩm. Bà T, ông L đã nộp đủ.

*** Quy định:** Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA